TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DS-ST
Ngày: 25/4/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Công Tự.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đào Thị Ngâm**.**
2. Bà Phan Thị Oanh**.**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng - Cán bộ TAND thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Trong ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 186/2023/TLST-DS ngày 27/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2024**,** giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**:** Ông Đặng Minh T, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ: khu phố P, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt

2. Bị đơn**:**

- Bà Trần Thị L, sinh năm 1937, trú tại: Khu phố P, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Bà L ủy quyền cho bà Đặng Thị Bích H, sinh năm 1975; Địa chỉ: đường L, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên (Văn bản ủy quyền ngày 17/01/2024). Vắng mặt.

- Bà Đặng Thị Lệ Q, sinh năm 1971 và Phan Ngọc Ánh S, sinh năm 1997;

Đồng trú: Khu phố P, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Tại đơn khởi kiện ngày 14/8/2023 và khởi kiện bổ sung ngày 20/10/2023, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn vợ chồng ông T, bà H trình bày**:** Vào ngày 07/11/2021 mẹ con bà Trần Thị L, Đặng Thị Lệ Q, Phan Ngọc Ánh S có thế chấp cho vợ chồng ông T, bà H căn nhà cấp 4 ngang 3m, dài 9,5m tại tổ 3 Khu phố P, phường C, thành phố T để lấy

100.000.000đ, thời hạn thế chấp 18 tháng. Hết 18 tháng mẹ con bà L không trả lại số tiền trên mà cố ý trốn tránh nhằm chiếm đoạt số tiền trên.

Nay ông T, bà H yêu cầu bà Trần Thị L, Đặng Thị Lệ Q, Phan Ngọc Ánh S cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng 100.000.000đ và khoản tiền lãi theo lãi suất pháp luật quy định kể từ ngày 07/11/2021 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Bà Q, với ông S là người trực tiếp nhận 100.000.000đ. Còn bà L chỉ ký vào giấy cầm nhà.

***** Bị đơn bà Trần Thị L, do bà Đặng Thị Bích H đại diện theo ủy quyền trình bày tại bản tự khai ngày 14/3/2024**:** Hiện nay, ông Đặng Minh T và bà Nguyễn Thị H kiện yêu cầu bà Trần Thị L cùng với mẹ con Bà Đặng Thị Lệ Q - ông Phan Ngọc Ánh S phải có trách nhiệm trả cho ông T, bà H 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Tôi đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị L có ý kiến như sau:

Bà Trần Thị L không phải là người cùng với mẹ con bà Q, ông S mượn 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) của vợ chồng ông T, bà H. Khoản tiền này là do cá nhân của mẹ con bà Q, ông S tự mượn. Do vậy, bà Q, ông S là người có trách nhiệm trả khoản tiền 100.000.000đ nói trên cho ông T, bà H. Bà L cũng không có cam kết vay tiền thế chấp nhà cho ông T, bà H nên không liên quan gì trong việc giải quyết căn nhà ở Khu phố P, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

*Bị đơn: Bà Đặng Thị Lệ Q, ông Phan Ngọc Ánh S trình bày tại bản tự khai ngày 12/3/2024: Bà Q, ông S có quan hệ quen biết với ông Đặng Minh T và bà Nguyễn Thị H trên quan hệ vay mượn với nhau. Vào ngày 07/11/2021, bà Q, ông S có vay của ông T, bà H 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) và để làm tin cho vợ chồng ông T có nói thế chấp ngôi nhà cấp 4 tại Khu phố P, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên nhưng nhà này không phải của bà Q, ông S mà là của bà Trần Thị L. Bà Q, ông S xác định số tiền mượn 100.000.000đ của vợ chồng ông T, bà H là do bà Q, ông S mượn và đã nhận đủ. Nay vợ chồng ông T, bà H khởi kiện yêu cầu bà L, Q, S cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông T 100.000.000đ hay giao nhà cho ông T bà H thì bà Q, ông S có ý kiến như sau: Bà Q, ông T đồng ý trả cho vợ chồng ông T, bà H 100.000.000đ và khoản tiền lãi từ ngày 07/11/2021 theo lãi suất của Nhà nước cho đến khi Tòa án xét xử xong vụ kiện. Còn nhà thì của bà L, bà Q, ông S không thể giao cho vợ chồng ông T.

Bà Q, ông S đồng ý trả cho vợ chồng ông T 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng*) và tiền lãi theo quy định pháp luật kể từ ngày 07/11/2021 bởi vì chúng tôi là người trực tiếp nhận số tiền trên. Thời điểm trả nợ bắt đầu từ tháng 6/2024, cứ mỗi năm trả 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) cho vợ chồng ông T đến khi hết nợ.

Bà L không nhận và hưởng lợi gì đối với số tiền 100.000.000đ mà mẹ con bà Q, ông S đã vay của vợ chồng ông T.

Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

Các bị đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn :

Nguyên đơn yêu cầu bà L, bà Q, ông S phải trả đủ số tiền 100.000.000đ.

Thấy rằng: Tại giấy cầm nhà ngày 07/11/2021 và lời khai ngày 08/4/2024 của ông Nguyễn Thanh Ngọc thể hiện chỉ có bà Đặng Thị Lệ Q và ông Phan Ngọc Ánh S mượn của vợ chồng ông T bà H số tiền 100.000.000đ. Việc này bà Q, ông S cũng thừa nhận có mượn và hiện nay còn nợ của vợ chồng ông Đặng Minh T, Nguyễn Thị H 100.000.000đ, còn bà L không thừa nhận và cũng không có chứng cứ chứng minh bà L cùng với bà Q, ông S mượn số tiền trên. Do đó, nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông T, bà H 100.000.000đ thuộc trách nhiệm của bà Q, ông S là có căn cứ.

Đối với khoản tiền lãi: Tại bản tự khai ngày 12/3/2024 của bà Đặng Thị Lệ Q và ông Phan Ngọc Ánh S đồng ý trả lãi trên số tiền nợ 100.000.000đ theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Thời gian tính lãi từ ngày 07/11/2021 đến khi Tòa xét xử vụ án (ngày 25/4/2024) là 29 tháng 19 ngày. Do hai bên không thỏa thuận lãi suất khi mượn, nay các bên thống nhất tính theo lãi suất do pháp luật quy định nên cần áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Cụ thể:

- 100.000.000đ x 0,8%/tháng x 29 tháng = 23.200.000đ
- 100.000.000đ x 0.8% / tháng x 19 ngày = 507.000đ

Tổng cộng: 23.707.000đ (*Hai mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng*)

Tổng cộng cả gốc và lãi: 123.707.000đ (*Một trăm hai mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng*).

[3] Về án phí: Bà Q, ông S phải trả cho vợ chồng ông T, bà H là 123.707.000đ nên phải chịu án phí DSST là 6.185.000đ (*Sáu triệu một trăm tám mươi lăm đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh T và bà Nguyễn Thị H tại đơn khởi kiện ngày 14/8/2023 và khởi kiện bổ sung ngày 20/10/2023.

Buộc bà Đặng Thị Lệ Q và ông Phan Ngọc Ánh S phải trả cho ông Đặng Minh T và bà Nguyễn Thị H số tiền 123.707.000đ (*Một trăm hai mươi ba triệu bảy trăm lẻ bảy nghìn đồng*) về khoản hợp đồng vay tài sản.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh T và bà Đặng Thị H về việc yêu cầu bà Trần Thị L cùng với bà Đặng Thị Lệ Q và ông Phan Ngọc Ánh S phải trả cho ông Đặng Minh T và bà Đặng Thị H số tiền 123.707.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí**:** Bà Đặng Thị Lệ Q và ông Phan Ngọc Ánh S phải chịu 6.185.000đ (*Sáu triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng*) án phí DSST. Hoàn trả cho nguyên đơn 2.500.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012659 ngày 26/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Tröôøng hôïp baûn aùn, quyeát ñònh ñöôïc thi haønh theo quy ñònh taïi Ñieàu 2 Luaät Thi haønh aùn daân söï thì ngöôøi ñöôïc thi haønh aùn daân söï, ngöôøi phaûi thi haønh aùn daân söï coù quyeàn thoûa thuaän thi haønh aùn, quyeàn yeâu caàu thi haønh aùn, töï nguyeän thi haønh aùn hoaëc bò cöôõng cheá thi haønh aùn theo quy ñònh taïi caùc Ñieàu 6, 7a, 7b vaø 9 Luaät Thi haønh aùn daân söï; thôøi hieäu thi haønh aùn ñöôïc thöïc hieän theo quy ñònh taïi Ñieàu 30 Luaät Thi haønh aùn daân söï.

Đương sự có mặt ñöôïc quyeàn khaùng caùo bản án trong haïn 15 ngaøy keå töø ngaøy tuyeân aùn**.** Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Công Tự